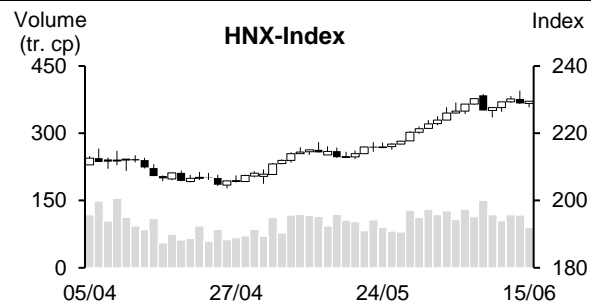
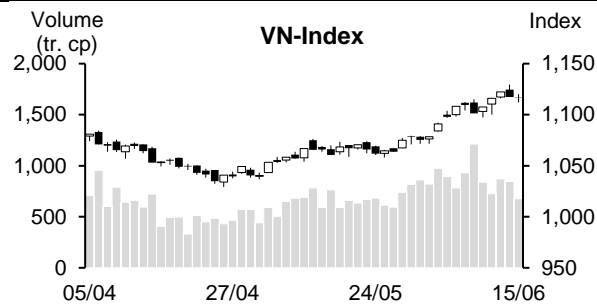


15/06/2023	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,116.97	-0.04%	1,108.57	-0.18%	229.53	0.27%
Tổng KLGD (tr. cp)	717.03	-22.80%	184.92	-32.82%	91.38	-28.25%
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	675.77	-20.14%	171.39	-25.77%	89.37	-23.81%
TB 20 phiên (tr. cp)	792.36	-14.71%	187.13	-8.41%	110.44	-19.08%
Tổng GTGD (tỷ VND)	13,269	-22.56%	4,890	-33.05%	1,612	-20.15%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	12,252	-19.18%	4,467	-24.43%	1,556	-12.35%
TB 20 phiên (tỷ VND)	13,681	-10.44%	4,588	-2.64%	1,710	-9.02%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
Số mã tăng	151	33%	11	37%	65	27%
Số mã giảm	261	56%	15	50%	124	51%
Số mã đứng giá	51	11%	4	13%	56	23%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giao dịch trầm lắng trong ngày đáo hạn phái sinh tháng 6. Các chỉ số chính vận động giằng co quanh vùng tham chiếu trong suốt cả phiên giao dịch khi dòng tiền lựa chọn đứng ngoài quan sát. Cụ thể, thanh khoản trong phiên giao dịch hôm nay đã giảm xuống mức thấp nhất trong 3 tuần qua. Độ rộng thị trường cho thấy sự áp đảo của số mã giảm điểm với tâm lý chốt lời bao trùm ở các cổ phiếu đầu cơ. Trong khi đó, áp lực điều chỉnh ở các cổ phiếu trụ cột không quá đáng kể. Ở chiều ngược lại, vẫn có một số nhóm ngành khởi sắc như dầu khí, chứng khoán, thịt heo phần nào bù đắp đà giảm của những nhóm ngành khác.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm nhẹ. Khối lượng giao dịch sụt giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán không quá mạnh. Không những vậy, chỉ số vẫn giữ được đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA5, 10, 20 giữ trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi và phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật. Thêm vào đó, đường MACD tiếp tục hướng lên trên Signal duy trì tín hiệu mua và đường +DI nằm trên -DI củng cố đà tăng điểm hiện tại, cho thấy chỉ số có thể sớm kết thúc nhịp rung lắc và vượt qua ngưỡng kháng cự đỉnh cũ tháng 1/2023, để hướng lên thử thách vùng kháng cự tâm lý 1.200 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tích cực hơn. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại và đóng cửa trên MA5, cùng với đường MA20 hướng lên tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn đang tiếp diễn và chỉ số có cơ hội để tiến lên thử thách vùng tâm lý 250 điểm. Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng phục hồi ngắn hạn sau phiên điều chỉnh kỹ thuật 15/6. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu lại danh mục hợp lý hơn, với ưu tiên là cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả kinh doanh quý 2 năm 2023 tăng trưởng, và đang thu hút được dòng tiền.

Cổ phiếu khuyến nghị: VIB (Chốt lời)

Cổ phiếu quan sát: SGP, BSR

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT**Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VIB	Chốt lời	16/06/23	23.15	21.05	10%	24.9	18.3%	20.3	-3.6%	Xu hướng yếu đi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Cắt lỗ	Tín hiệu kỹ thuật
1	SGP	Quan sát mua	16/06/23	15.7	17.7-18.7	14.9	Nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ 15-15.5 khá tốt với nền, vol nhỏ dần -> khả năng sớm có nhịp tăng trở lại
2	BSR	Quan sát mua	16/06/23	17.5	20-21	16.9	Nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ quanh 17 khá tốt với nền, vol nhỏ + có phiên tăng kèm vol tăng nhẹ trở lại -> khả năng sắp có nhịp tăng mới

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DPR	Mua	24/04/23	57.7	52.1	10.7%	67	28.6%	49.8	-4.4%	
2	GAS	Mua	09/05/23	96.6	93.1	3.8%	100	7.4%	91.6	-2%	
3	MBB	Nắm giữ	11/05/23	19.7	18	9.4%	23.2	28.9%	17.4	-3%	
4	HCM	Mua	15/05/23	26.35	25.5	3.3%	31	21.6%	24.4	-4%	
5	TCB	Nắm giữ	22/05/23	32.65	29.65	10.1%	39.5	33.2%	28.5	-4%	
6	LAS	Mua	23/05/23	11	10.3	6.8%	13.1	27%	9.6	-7%	
7	CTG	Mua	30/05/23	29	28	3.6%	31.1	11%	27.2	-3%	
8	VSC	Mua	31/05/23	32.55	29.1	11.9%	35.1	21%	27.9	-4%	
9	REE	Mua	01/06/23	61.8	61.5	0.5%	68.5	11%	59	-4%	
10	SSI	Mua	02/06/23	25.7	23.45	9.6%	26	11%	22.45	-4%	
11	PPC	Mua	05/06/23	16.6	15.65	6.1%	18.35	17%	14.9	-5%	
12	KDH	Mua	08/06/23	30.65	30.45	0.7%	35	15%	29	-5%	
13	NLG	Mua	12/06/23	34.4	33	4.2%	40.5	23%	30.9	-6%	
14	TCM	Mua	13/06/23	54.3	51.4	5.6%	58.1	13%	49.3	-4%	
15	VHM	Mua	14/06/23	56.5	56.7	-0.4%	70	23%	53	-7%	

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Thị trường giao dịch thứ cấp trái phiếu doanh nghiệp sẽ vận hành trong tháng 7

Bà Tạ Thanh Bình - Vụ trưởng Vụ phát triển thị trường Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chia sẻ sắp tới có thể thị trường phái sinh sẽ có một số sản phẩm mới như hợp đồng tương lai chỉ số VN100, hợp đồng tương lai một số tài sản cơ sở khác như cổ phiếu và hợp đồng quyền chọn.

Đồng thời, việc sớm đưa hệ thống KRX vào vận hành sẽ giúp triển khai sản phẩm mới và giám sát thị trường dựa trên tiến bộ của công nghệ thông tin.

Trong tháng 7 tới, UBCKNN sẽ đưa vào vận hành thị trường thứ cấp cho trái phiếu phát hành riêng lẻ. Thị trường này sẽ góp phần giải quyết nút thắt của trái phiếu doanh nghiệp (TPDN). Khi thị trường vận hành, công ty chứng khoán thành viên sẽ kiểm soát tốt thành phần nhà đầu tư tham gia thị trường, đúng nghĩa là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Ngoài ra, thị trường thứ cấp cũng sẽ tăng minh bạch cho trái phiếu doanh nghiệp và tăng tiếp cận từ đơn vị phát hành tới nhà đầu tư để nâng chất lượng thanh toán, giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư.

Song song đó, UBCKNN cũng đang đẩy nhanh tốc độ tái cấu trúc thị trường theo lộ trình Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) tổ chức giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ còn Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) tổ chức giao dịch trái phiếu và phái sinh.

Thu ngân sách từ xuất nhập khẩu giảm hơn 18% so với cùng kỳ

Ngày 13/6, Tổng cục Hải quan cho biết tính đến ngày 11/6, tổng số thu ngân sách từ xuất nhập khẩu đạt 162.803 tỷ đồng, đạt 38,3% dự toán và giảm 18,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Năm 2023, Tổng cục Hải quan được Quốc hội giao dự toán thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 là 425.000 tỷ đồng.

Giá xuất khẩu cà phê Việt Nam tăng cao

Xuất khẩu cà phê cả nước trong tháng 5 vừa qua ước đạt 165.000 tấn với giá trị 396 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu cà phê 5 tháng đầu năm đạt giá trị 2,02 tỷ USD, thiết lập 1 kỷ lục mới cho xuất khẩu cà phê.

Các chuyên gia trong ngành cũng cho biết đạt được trị giá xuất khẩu này do giá xuất khẩu cà phê Việt Nam đang ở mức cao, vượt mốc 65.000 đồng/kg thu mua trong nước. Với đà giá này, các chuyên gia cho rằng Việt Nam đang tiến rất gần với mục tiêu phá vỡ kỷ lục giá trị xuất khẩu cà phê 4 tỷ USD của năm 2022.

Nguồn: Cafef, Vietstock

Tin doanh nghiệp niêm yết

IJC chuẩn bị chia cổ tức 2022 với tỷ lệ 14%

CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HOSE: IJC) cho biết sẽ chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức năm 2022 bằng tiền. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 29/06/2023. Tỷ lệ cổ tức là 14%. Với gần 252 triệu cp đang lưu hành, ước tính IJC cần chi gần 352 tỷ đồng để chia cổ tức. Ngày thanh toán dự kiến là 06/10/2023.

Cổ đông lớn nhất hiện tại của IJC là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex, HOSE: BCM) đang nắm giữ hơn 108 triệu cp (49.76%). Như vậy, với tỷ lệ cổ tức như trên, ước tính BCM có thể nhận về hơn 151 tỷ đồng từ công ty liên kết.

VCS sắp chi 320 tỷ đồng trả cổ tức đợt 1/2023

CTCP Vicostone (HNX:VCS) thông báo ngày 16/06/2023 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt đợt 1/2023. Với tỷ lệ 20% và 160 triệu cp đang lưu hành, VCS cần chi 320 tỷ đồng cho đợt cổ tức này. Ngày thanh toán dự kiến là 26/06/2023.

Về hoạt động kinh doanh, quý 1, VCS thu về lãi ròng hơn 190 tỷ đồng, giảm 49% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là quý có lãi thấp nhất từ năm 2018.

Theo kế hoạch kịch bản 1, trong năm 2023, VCS đạt 5,891 tỷ đồng doanh thu và 1,325 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế thì hết quý 1/2023, VCS thực hiện được 18% doanh thu và 17% lợi nhuận trước thuế.

Theo kịch bản 2, trong điều kiện các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội tác động theo chiều hướng không thuận lợi cho VCS thì 3 tháng đầu năm, VCS thực hiện được 22% doanh thu và 21% lợi nhuận trước thuế.

Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam sắp nhận hơn 19 tỷ đồng cổ tức từ SSC

CTCP Giống cây trồng Miền Nam (HOSE: SSC) thông báo chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 27/06. Với hơn 13.2 triệu cp đang lưu hành, tỷ lệ thực hiện là 15%/mệnh giá.

SSC có tổng cộng gần 15 triệu cp niêm yết, trong đó có hơn 1.7 triệu cổ phiếu quỹ, còn lại là cổ phiếu đang lưu hành như trên. Như vậy, ước tính SSC cần chi gần 20 tỷ đồng để trả đợt cổ tức này. Thời gian thực hiện dự kiến 28/07.

Tính tới thời điểm 21/03/2023, cổ đông lớn nhất của SSC là CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (HOSE: NSC) sở hữu gần 12.8 triệu cp, chiếm tỷ lệ 96.41% số lượng cổ phiếu lưu hành. Như vậy, NSC sẽ được nhận hơn 19 tỷ đồng cổ tức từ SSC.

Tại ĐHĐCĐ thường niên 2023, SSC đã thông qua mục tiêu kinh doanh với gần 374 tỷ đồng doanh thu thuần và 51.5 tỷ đồng lãi sau thuế, tăng lần lượt 24% và 2% so với kết quả năm trước. Tỷ lệ cổ tức dự kiến là 30% bằng tiền.

Nguồn: Cafef, Vietstock

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VCB	103,500	0.88%	0.10%
GAS	96,600	2.11%	0.09%
CTG	29,000	1.05%	0.03%
GVR	18,050	0.84%	0.01%
PVD	24,400	4.27%	0.01%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
PVS	33,000	8.20%	0.42%
PTI	34,800	5.14%	0.05%
IDC	43,000	0.94%	0.05%
PLC	37,400	3.31%	0.03%
SHS	13,400	0.75%	0.03%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VHM	56,500	-0.88%	-0.05%
SAB	159,000	-1.85%	-0.04%
VNM	66,300	-1.19%	-0.04%
MSN	77,100	-1.15%	-0.03%
VIC	53,500	-0.56%	-0.03%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
KSF	40,000	-1.48%	-0.06%
NVB	15,500	-1.90%	-0.06%
SDU	44,000	-9.84%	-0.03%
CEO	24,900	-1.19%	-0.03%
HUT	18,300	-1.08%	-0.02%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
VND	19,100	2.14%	34,129,551
NVL	15,250	0.33%	32,793,785
SHB	12,450	-0.80%	21,634,958
HAG	8,190	2.12%	19,940,449
HSG	16,550	-1.49%	19,522,620

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	13,400	0.75%	16,990,615
PVS	33,000	8.20%	14,756,686
CEO	24,900	-1.19%	5,543,757
PVC	18,200	4.60%	2,907,264
IDC	43,000	0.94%	2,780,492

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VND	19,100	2.14%	646.0
NVL	15,250	0.33%	499.5
HPG	23,150	0.22%	404.1
SSI	25,700	1.18%	365.4
HSG	16,550	-1.49%	323.7

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
PVS	33,000	8.20%	468.2
SHS	13,400	0.75%	226.2
CEO	24,900	-1.19%	138.9
IDC	43,000	0.94%	118.9
PVC	18,200	4.60%	51.9

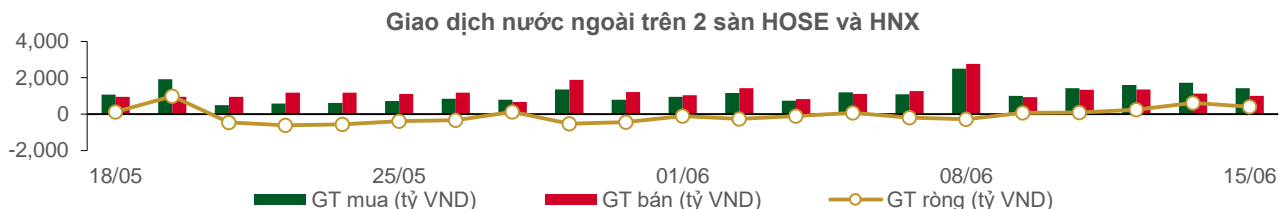
Thống kê giao dịch thỏa thuận**TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
EIB	7,624,336	159.24
VSC	4,756,900	145.78
VPB	5,740,000	115.13
CTG	2,620,000	75.99
VNM	1,122,600	74.76

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
GKM	1,036,000	40.31
TKG	425,000	5.72
DHP	406,627	4.76
PVS	100,000	2.80
VCS	40,000	2.42

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	54.02	1,406.36	32.26	1,009.00	21.75	397.35
HNX	0.73	18.69	0.26	5.85	0.48	12.84
Tổng 2 sàn	54.75	1,425.05	32.52	1,014.85	22.23	410.19



TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
HPG	23,150	6,107,800	141.31
VND	19,100	6,903,200	130.77
VNM	66,300	1,540,000	102.56
CTG	29,000	2,717,000	78.93
SSI	25,700	2,556,600	65.58

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
TNG	18,700	310,200	5.81
IDC	43,000	83,000	3.56
CEO	24,900	105,000	2.64
DTD	30,600	77,800	2.36
VCS	61,700	25,500	1.57

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VNM	66,300	3,189,600	212.43
CTG	29,000	4,614,100	134.05
VCB	103,500	580,100	59.41
VPB	19,700	2,518,800	49.61
DPM	32,600	1,147,100	37.58

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
PVS	33,000	65,900	2.14
BVS	23,200	40,100	0.92
NVB	15,500	49,300	0.77
EID	21,300	17,000	0.36
PTI	34,800	9,700	0.32

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HPG	23,150	5,633,400	130.37
VND	19,100	5,870,300	111.31
VHM	56,500	945,400	54.11
HSG	16,550	3,157,800	52.24
EIB	20,750	2,480,700	52.10

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
TNG	18,700	293,560	5.50
IDC	43,000	78,100	3.35
CEO	24,900	104,000	2.61
DTD	30,600	72,600	2.21
VCS	61,700	25,100	1.54

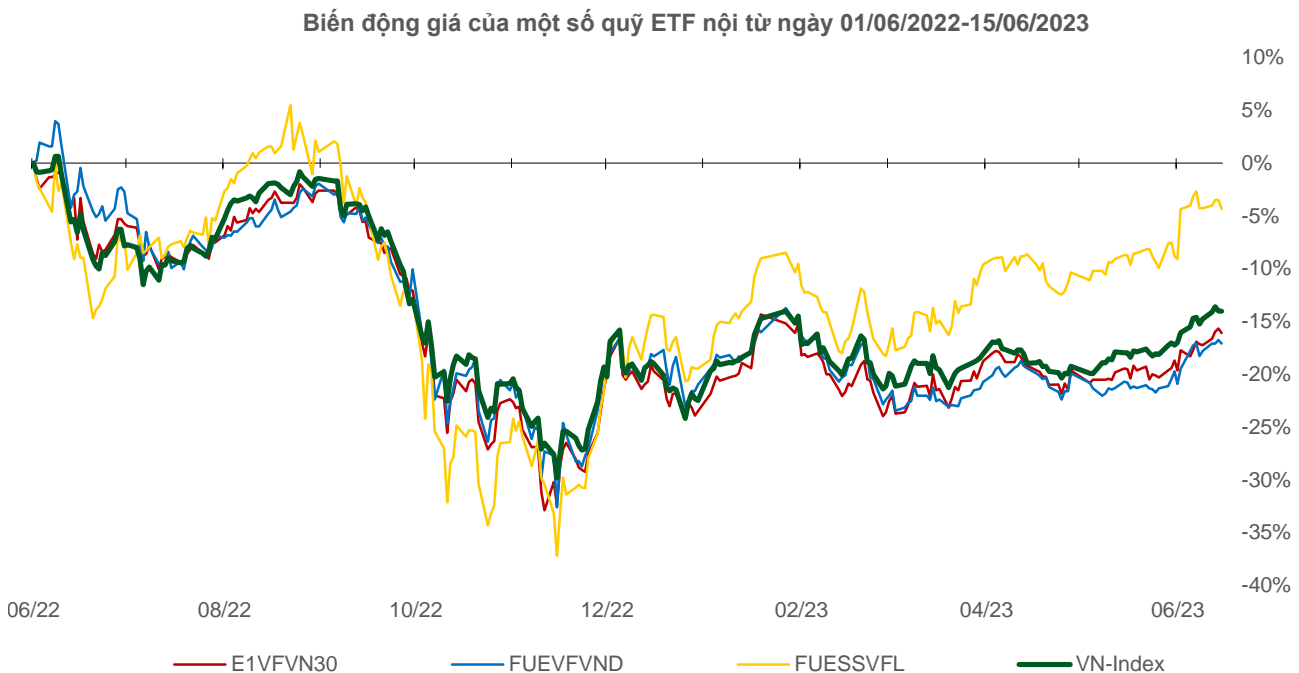
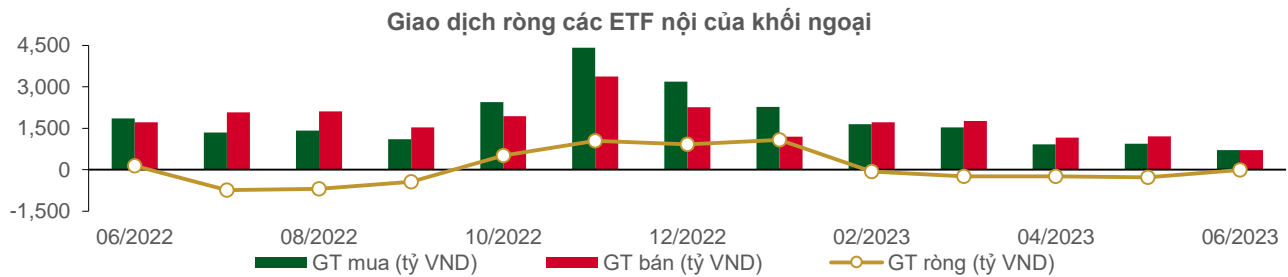
TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VNM	66,300	(1,649,600)	(109.87)
CTG	29,000	(1,897,100)	(55.12)
DPM	32,600	(1,027,800)	(33.66)
PLX	38,300	(682,700)	(26.17)
BCM	80,000	(285,900)	(22.57)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVS	33,000	(51,900)	(1.69)
BVS	23,200	(40,100)	(0.92)
NVB	15,500	(49,300)	(0.77)
EID	21,300	(17,000)	(0.36)
PTI	34,800	(9,700)	(0.32)

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	19,000	-0.5%	1,967,371	37.33	E1VFN30	36.78	36.64	0.14
FUEMAV30	13,210	0.0%	34,100	0.45	FUEMAV30	0.44	0.27	0.17
FUESSV30	13,630	-0.5%	11,000	0.15	FUESSV30	0.12	0.06	0.06
FUESSV50	16,850	3.4%	1,800	0.03	FUESSV50	0.00	0.01	(0.01)
FUESSVFL	17,050	-0.9%	249,964	4.32	FUESSVFL	1.50	4.15	(2.66)
FUEVFVND	23,500	-0.4%	962,501	22.57	FUEVFVND	12.40	19.35	(6.95)
FUEVN100	14,330	-0.3%	118,001	1.69	FUEVN100	0.47	1.31	(0.83)
FUEIP100	7,820	-0.9%	4,600	0.04	FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	7,290	-0.1%	55,200	0.40	FUEKIV30	0.22	0.19	0.03
FUEDCMID	9,060	0.1%	6,400	0.06	FUEDCMID	0.00	0.04	(0.04)
FUEKIVFS	9,880	0.1%	47,000	0.47	FUEKIVFS	0.23	0.24	(0.01)
FUEMAVND	9,820	-0.1%	46,900	0.46	FUEMAVND	0.45	0.39	0.06
FUEFCV50	14,000	0.0%	0	0.00	FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng			3,457,937	67.49	Tổng cộng	52.17	62.26	(10.09)



Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CACB2208	1,300	-7.1%	5,810	82	21,700	1,248	(52)	17,940	3.3	05/09/2023
CACB2301	340	-45.2%	16,910	53	21,700	413	73	23,120	1.7	07/08/2023
CFPT2210	300	-33.3%	10,360	77	84,100	308	8	90,000	10.0	31/08/2023
CFPT2213	1,300	-1.5%	9,480	82	84,100	1,164	(136)	74,500	10.0	05/09/2023
CFPT2214	1,420	-4.1%	6,230	139	84,100	1,205	(215)	76,000	10.0	01/11/2023
CFPT2301	880	0.0%	0	12	84,100	354	(526)	84,000	6.0	27/06/2023
CFPT2302	970	0.0%	0	62	84,100	442	(528)	85,000	10.0	16/08/2023
CFPT2303	570	-8.1%	22,200	147	84,100	677	107	86,000	10.0	09/11/2023
CHDB2301	710	-4.1%	100	137	18,650	353	(357)	19,330	4.0	30/10/2023
CHPG2226	2,380	-2.9%	10,920	82	23,150	2,206	(174)	19,500	2.0	05/09/2023
CHPG2227	2,470	-1.6%	18,490	139	23,150	2,154	(316)	20,500	2.0	01/11/2023
CHPG2301	2,100	-5.8%	14,000	12	23,150	2,090	(10)	19,000	2.0	27/06/2023
CHPG2302	2,720	0.0%	0	104	23,150	2,141	(579)	20,000	2.0	27/09/2023
CHPG2303	1,540	-11.5%	470	32	23,150	1,039	(501)	23,900	1.0	17/07/2023
CHPG2304	1,060	-7.8%	1,180	62	23,150	994	(66)	23,000	2.0	16/08/2023
CHPG2305	690	1.5%	1,260	53	23,150	872	182	23,200	2.0	07/08/2023
CHPG2306	1,380	2.2%	122,890	147	23,150	1,564	184	20,000	3.0	09/11/2023
CHPG2307	1,250	-3.1%	17,010	201	23,150	933	(317)	22,670	4.0	02/01/2024
CHPG2308	1,110	-2.6%	10	137	23,150	846	(264)	22,110	4.0	30/10/2023
CHPG2309	1,300	1.6%	11,250	344	23,150	1,433	133	24,000	3.0	24/05/2024
CMBB2211	90	-59.1%	46,690	77	19,700	35	(55)	26,330	3.9	31/08/2023
CMBB2214	2,040	-1.9%	17,710	82	19,700	1,800	(240)	16,580	2.0	05/09/2023
CMBB2215	2,010	-2.9%	2,970	139	19,700	1,656	(354)	17,560	2.0	01/11/2023
CMBB2301	1,000	0.0%	20,830	12	19,700	979	(21)	15,900	3.9	27/06/2023
CMBB2302	720	18.0%	140	12	19,700	535	(185)	18,920	2.0	27/06/2023
CMBB2303	410	-25.5%	3,570	53	19,700	518	108	20,290	2.0	07/08/2023
CMBB2304	960	-4.0%	10,450	109	19,700	520	(440)	14,950	9.8	02/10/2023
CMBB2305	960	-2.0%	12,080	201	19,700	443	(517)	16,580	9.8	02/01/2024
CMBB2306	1,950	0.5%	3,100	344	19,700	1,763	(187)	19,510	2.0	24/05/2024
CMSN2215	180	-52.6%	31,380	82	77,100	85	(95)	102,000	10.0	05/09/2023
CMSN2301	1,470	-8.1%	20	137	77,100	1,031	(439)	73,980	10.0	30/10/2023
CMSN2302	3,880	6.0%	10	344	77,100	3,289	(591)	66,000	6.0	24/05/2024
CMWG2214	330	-13.2%	56,040	82	41,700	203	(127)	46,500	10.0	05/09/2023
CMWG2215	540	-11.5%	20,660	139	41,700	368	(172)	45,000	10.0	01/11/2023
CMWG2301	330	-13.2%	340	32	41,700	116	(214)	46,300	7.0	17/07/2023
CMWG2302	300	0.0%	54,940	147	41,700	395	95	50,000	6.0	09/11/2023
CMWG2303	850	-13.3%	150	109	41,700	562	(288)	31,330	20.0	02/10/2023
CMWG2304	940	-4.1%	4,500	201	41,700	517	(423)	34,000	20.0	02/01/2024
CMWG2305	2,760	25.5%	1,610	344	41,700	2,699	(61)	36,000	4.0	24/05/2024
CNVL2301	1,450	-0.7%	51,780	137	15,250	727	(723)	13,460	4.0	30/10/2023
CPDR2301	1,420	-6.0%	11,380	137	17,300	994	(426)	14,220	4.0	30/10/2023
CPOW2301	1,390	31.1%	20	137	13,550	710	(680)	13,980	2.0	30/10/2023
CSTB2224	4,250	-5.6%	12,810	82	27,800	4,098	(152)	20,000	2.0	05/09/2023
CSTB2225	4,350	-4.0%	37,440	139	27,800	4,118	(232)	20,500	2.0	01/11/2023
CSTB2301	1,270	-5.2%	6,510	32	27,800	842	(428)	26,400	3.0	17/07/2023
CSTB2302	820	-4.7%	2,760	53	27,800	1,054	234	28,200	2.0	07/08/2023
CSTB2303	3,780	-0.5%	24,300	147	27,800	3,596	(184)	22,000	2.0	09/11/2023
CSTB2304	830	-18.6%	10,050	137	27,800	671	(159)	28,670	5.0	30/10/2023
CSTB2305	1,060	32.5%	310	201	27,800	800	(260)	29,110	5.0	02/01/2024
CSTB2306	2,000	-22.8%	5,380	344	27,800	2,572	572	30,000	2.0	24/05/2024
CTCB2212	90	-72.7%	6,520	77	32,650	64	(26)	44,000	4.0	31/08/2023
CTCB2215	1,870	-12.6%	21,170	82	32,650	1,708	(162)	26,500	4.0	05/09/2023

Bản tin chứng khoán

CTCB2216	1,970	-1.5%	1,470	139	32,650	1,676	(294)	27,500	4.0	01/11/2023
CTCB2301	1,770	0.0%	0	62	32,650	1,317	(453)	30,000	3.0	16/08/2023
CTCB2302	3,100	-6.9%	810	344	32,650	2,964	(136)	27,000	3.0	24/05/2024
CTPB2301	1,280	-3.8%	1,270	53	18,150	1,038	(242)	16,840	1.9	07/08/2023
CTPB2302	850	-5.6%	9,890	109	18,150	603	(247)	14,220	7.2	02/10/2023
CTPB2303	810	-9.0%	3,390	201	18,150	515	(295)	15,810	7.2	02/01/2024
CVHM2216	250	-32.4%	131,450	77	56,500	228	(22)	62,000	8.0	31/08/2023
CVHM2219	1,390	3.7%	17,600	82	56,500	848	(542)	56,000	5.0	05/09/2023
CVHM2220	1,640	1.9%	4,930	139	56,500	920	(720)	58,000	5.0	01/11/2023
CVHM2301	1,090	-5.2%	10	137	56,500	632	(458)	56,880	8.0	30/10/2023
CVHM2302	4,110	2.0%	2,060	344	56,500	2,984	(1,126)	50,000	4.0	24/05/2024
CVIB2201	2,770	-5.1%	12,080	82	23,150	2,386	(384)	19,170	1.9	05/09/2023
CVIB2301	470	-29.9%	17,300	53	23,150	593	123	24,270	1.9	07/08/2023
CVIB2302	2,730	24.7%	20	344	23,150	2,147	(583)	23,000	2.0	24/05/2024
CVIC2301	1,050	5.0%	40	137	53,500	526	(524)	53,980	8.0	30/10/2023
CVNM2212	190	-52.5%	126,710	82	66,300	45	(145)	80,560	7.9	05/09/2023
CVNM2301	770	-8.3%	13,990	137	66,300	381	(389)	68,890	10.0	30/10/2023
CVPB2212	180	-47.1%	31,010	77	19,700	106	(74)	24,640	2.7	31/08/2023
CVPB2214	970	-3.0%	14,810	82	19,700	824	(146)	17,000	4.0	05/09/2023
CVPB2301	730	-2.7%	8,110	104	19,700	455	(275)	19,800	4.0	27/09/2023
CVPB2302	1,640	-0.6%	3,400	62	19,700	1,011	(629)	18,600	2.0	16/08/2023
CVPB2303	940	-5.1%	150	109	19,700	276	(664)	15,780	16.0	02/10/2023
CVPB2304	910	-5.2%	770	201	19,700	256	(654)	17,000	16.0	02/01/2024
CVRE2216	260	-31.6%	20,080	77	26,850	220	(40)	31,000	4.0	31/08/2023
CVRE2220	430	-4.4%	20,490	82	26,850	298	(132)	30,000	4.0	05/09/2023
CVRE2221	450	-10.0%	9,630	139	26,850	312	(138)	32,500	4.0	01/11/2023
CVRE2301	470	-6.0%	390	32	26,850	123	(347)	29,700	4.0	17/07/2023
CVRE2302	710	-5.3%	40	137	26,850	463	(247)	28,670	5.0	30/10/2023
CVRE2303	2,420	-1.2%	470	344	26,850	1,937	(483)	25,000	3.0	24/05/2024

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2023F (tỷ VND)	PE forward	PB forward
VCB	HOSE	103,500	131,270	13/06/2023	36,911	16.8	3.6
BID	HOSE	43,850	57,956	13/06/2023	23,019	12.7	2.3
CTG	HOSE	29,000	39,700	13/06/2023	19,121	10.0	1.5
MBB	HOSE	19,700	27,200	13/06/2023	21,242	5.8	1.2
HDB	HOSE	18,650	23,170	13/06/2023	10,216	6.2	1.3
VPB	HOSE	19,700	19,260	13/06/2023	15,638	8.3	1.1
TCB	HOSE	32,650	47,270	13/06/2023	21,351	7.8	1.2
ACB	HOSE	21,700	31,840	13/06/2023	15,807	8.4	1.6
TPB	HOSE	18,150	24,000	13/06/2023	6,732	5.7	1.0
OCB	HOSE	18,450	22,700	13/06/2023	4,354	7.2	1.1
VIB	HOSE	23,150	29,300	13/06/2023	9,378	6.6	1.5
LPB	HOSE	14,650	18,800	13/06/2023	4,925	6.6	1.1
MSB	HOSE	12,950	21,900	13/06/2023	4,803	9.1	1.4
SHB	HOSE	12,450	15,600	13/06/2023	8,035	6.0	0.9
DHG	HOSE	125,700	111,600	13/06/2023	1,061	13.8	3.0
IMP	HOSE	60,000	68,000	13/06/2023	286	15.9	2.2
POW	HOSE	13,550	15,500	13/06/2023	2,948	14.0	1.1
NT2	HOSE	32,200	34,200	13/06/2023	732	13.4	2.1
GEG	HOSE	16,150	18,800	13/06/2023	208	46.5	1.7

Bản tin chứng khoán

QTP	UPCOM	17,336	23,900	13/06/2023	1,300	8.3	1.6
GAS	HOSE	96,600	111,200	13/06/2023	13,688	15.7	3.1
BSR	UPCOM	17,303	24,900	13/06/2023	8,347	6.3	0.9
PVS	HNX	33,000	30,700	13/06/2023	1,059	16.8	1.2
PLX	HOSE	38,300	48,500	13/06/2023	3,969	16.3	2.5
MPC	UPCOM	18,447	19,200	13/06/2023	597	12.9	1.3
FMC	HOSE	41,400	50,700	13/06/2023	314	10.5	1.4
TCM	HOSE	54,300	54,000	13/06/2023	247	17.9	2.0
MSH	HOSE	35,100	37,450	13/06/2023	262	8.2	1.3
VHM	HOSE	56,500	83,100	13/06/2023	29,034	12.5	2.3
NLG	HOSE	34,400	38,400	13/06/2023	642	22.9	1.4
KDH	HOSE	30,650	36,500	13/06/2023	1,363	19.1	1.9
VRE	HOSE	26,850	39,700	13/06/2023	3,345	26.9	2.6
IDC	HNX	43,000	46,600	13/06/2023	1,960	6.1	2.0
KBC	HOSE	27,600	32,000	13/06/2023	2,073	11.9	1.3
DPR	HOSE	57,700	88,300	13/06/2023	239	15.9	1.0
MWG	HOSE	41,700	50,000	13/06/2023	2,325	33.3	3.0
FRT	HOSE	62,500	85,000	13/06/2023	107	111.1	6.6
DGW	HOSE	39,500	38,500	13/06/2023	393	16.3	2.4
HPG	HOSE	23,150	35,400	13/06/2023	7,698	16.6	1.2
VNM	HOSE	66,300	70,200	13/06/2023	9,143	18.0	4.5
SAB	HOSE	159,000	162,300	13/06/2023	5,641	21.0	5.6
SBT	HOSE	16,900	16,700	13/06/2023	827	15.7	1.1
PNJ	HOSE	73,300	82,800	13/02/2023	1,763	N/A	N/A
PVI	HNX	48,500	47,002	19/12/2022	996	13.8	1.3
BMI	HOSE	23,950	25,190	19/12/2022	427	9.0	1.0
BVH	HOSE	44,400	70,900	19/12/2022	2,967	17.7	2.3
ANV	HOSE	34,000	30,100	19/12/2022	320	12.0	1.3
VHC	HOSE	61,200	69,000	19/12/2022	1,510	8.4	1.5
SZC	HOSE	34,900	42,700	19/12/2022	585	7.5	2.6
GVR	HOSE	18,050	29,755	19/12/2022	5,521	27.8	2.1
LHG	HOSE	27,300	42,250	19/12/2022	653	3.5	1.2
PVT	HOSE	21,050	26,900	19/12/2022	831	14.1	1.2
TRA	HOSE	94,000	117,400	19/12/2022	349	13.9	2.8
STK	HOSE	29,000	45,800	19/12/2022	239	13.5	1.8

Nguồn: PHS

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,
Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 & 5, D&D Tower, 458
Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,
Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận
Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912